

Bản án số: 2328/2017/DS-ST.

Ngày: 13-10-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước.
2. Bà Nguyễn Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1150/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 431/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: 123 đường L.H, phường L.H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông T, sinh năm 1988, địa chỉ: số 123 đường C.H, Phường aaa, quận T.B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 634/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/05/2017) (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà G, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 123 đường P, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông T làm đại diện trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng V) có phê duyệt cho bà G vay tiêu dùng cá nhân số tiền 21.000.000 đồng, bao gồm phí bảo hiểm tiền vay là 1.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thoả thuận lãi suất thoả thuận là 45%/năm, theo phương thức chậm trả trong vòng 24 tháng, mỗi tháng trả 1.343.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 01/3/2015.

Ngân hàng V đã giải ngân số tiền vay cho bà G là 20.000.000 đồng ngày 27/01/2015 và chuyển phí bảo hiểm tiền vay 1.000.000 đồng cho công ty bảo hiểm theo thoả thuận hợp đồng. Tuy nhiên, bà G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận hợp đồng mà chỉ thanh toán cho Ngân hàng V được 05 lần với tổng số tiền là 6.715.000 đồng. Kể từ ngày 29/6/2015, bà G không thanh toán các kỳ còn lại dù Ngân hàng V đã nhiều lần nhắc nhở việc thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà G phải trả một lần những khoản nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng cộng là 25.736.000 đồng, trong đó tiền gốc là 18.127.889 đồng và tiền lãi là 7.608.111 đồng, bà G tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đến ngày 12/10/2017, nguyên đơn thể hiện do có nhầm lẫn trong bảng tính nợ nên rút một phần yêu cầu: Số tiền lãi còn thiếu là 62.350 đồng và tiền gốc còn thiếu là 60.832 đồng; do đó, nguyên đơn yêu cầu bà G trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 25.612.819 đồng, trong đó tiền gốc 18.067.057 đồng và tiền lãi là 7.608.111 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tiền lãi kể từ ngày vi phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn xác định khởi kiện đối với cá nhân bà G, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng bà G nên đề nghị không triệu tập chồng bà G tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì đây là hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng của cá nhân bà G.

** Bị đơn bà G đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giấy triệu tập và*

thông báo để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà G không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà G.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án tuân theo quy định của pháp luật và thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà G trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 25.612.819 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà G phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà G, thường trú 123 đường P, Phường H, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường H, quận Bình Thạnh theo Quyết định số 1304/2017/QĐ-CCTLCC ngày 15/06/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông T, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/10/2017 nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà G đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy bà G vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà G.

Tại đơn khởi kiện và Biên bản ngày 11/8/2017, Ngân hàng V xác nhận việc cho bà G vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân bà G phải có trách

nhệm trả các khoản nợ còn thiếu, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng bà G nên đề nghị Tòa án không triệu tập chồng bà G vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét bà G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà G nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án không triệu tập chồng bà G tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng V khởi kiện bà G yêu cầu thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 tổng cộng là 25.612.819 đồng, trong đó tiền gốc 18.067.057 đồng và tiền lãi là 7.608.111 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tiền lãi kể từ ngày vi phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có thay đổi yêu cầu giảm số tiền mà bà G còn thiếu, bao gồm tiền gốc và tiền lãi, so với yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện do nhầm lẫn trong tính toán. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không ảnh hưởng đến quyền của bị đơn bà G, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn, tiếp tục xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đồng thời, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 được phê duyệt ngày 27/01/2015, Ngân hàng V và bà G thỏa thuận: Ngân hàng V cho bà G vay 21.000.000 đồng (Đã bao gồm phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 1.000.000 đồng), bà G có nghĩa vụ trả tiền vay vào ngày 01 (Một) hàng tháng là 1.343.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/03/2015, lãi suất 45%/năm với thời hạn 24 tháng. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123 và

Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, Ngân hàng V đã chuyển số tiền vay theo thỏa thuận là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản của bà G số 76501874 mở tại Ngân hàng V ngày 27/01/2015 và đã chuyển tiền phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo xác nhận của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Đ phù hợp với Điều 5 của hợp đồng nên bên vay là bà G phải thực hiện nghĩa vụ như giao kết hợp đồng.

Theo thỏa thuận, bà G có nghĩa vụ trả nợ hàng tháng và kỳ trả nợ cuối là ngày 01/02/2017. Tuy nhiên, bà G chỉ thanh toán cho Ngân hàng V 05 (Năm) lần tổng cộng số tiền là 1.343.000 đồng x 5 lần = 6.715.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) và từ sau ngày 29/06/2015, bà G không thanh toán tiếp các khoản nợ theo như thỏa thuận là vi phạm điểm 3 Phần IV về cam kết của bên vay nên có đủ cơ sở buộc bà G phải trả toàn bộ số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngay sau ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong.

Nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, có lợi cho người vay là bà G nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001, Điều 17 Thông tư số 38/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và thỏa thuận hợp đồng, thứ tự ưu tiên thanh toán hàng tháng là toàn bộ tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận và một phần tiền gốc sao cho số tiền phải thanh toán hàng tháng theo hợp đồng là 1.343.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, mỗi kỳ được tính cách nhau 01 (Một) tháng, ngoại trừ kỳ đầu tiên. Vì vậy, đối với số tiền phải trả của kỳ đầu, tiền lãi phát sinh được tính từ ngày giải ngân tiền vay 21.000.000 đồng ngày 27/01/2015 đến hết ngày 28/02/2015 là 32 (Ba mươi hai) ngày theo lãi suất 45%/năm: $21.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ ngày} \times (45\% / \text{năm} : 360 \text{ ngày}) = 840.000 \text{ đồng}$ (Tám trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền gốc phải trả là $1.343.000 \text{ đồng} - 840.000 \text{ đồng} = 503.000 \text{ đồng}$ (Năm trăm lẻ ba ngàn đồng), dư nợ mới chuyển tính lãi kỳ tiếp theo là $21.000.000 \text{ đồng} - 503.000 \text{ đồng} = 20.497.000 \text{ đồng}$.

Đối với kỳ thứ hai được tính từ ngày 01/3/2015, tiền lãi phải trả là $20.497.000 \text{ đồng} \times (45\% / \text{năm} : 12 \text{ tháng}) = 768.638 \text{ đồng}$, tiền gốc phải trả là $1.343.000 \text{ đồng} - 768.638 \text{ đồng} = 574.363 \text{ đồng}$. Theo cách tính lãi của kỳ thứ

hai sao cho dư nợ gốc giảm dần, các kỳ trả nợ tiếp theo được tính tương tự cho tiền lãi và tiền gốc phải trả thì tổng số tiền lãi trả góp của 24 tháng vay mà bà G phải thanh toán cho Ngân hàng V theo thỏa thuận là 11.327.819 đồng cho số tiền vay gốc 21.000.000 đồng.

Bà G đã thanh toán cho Ngân hàng V 05 (Năm) lần tổng cộng 6.715.000 đồng nên số tiền lãi đã thanh toán là 3.782.057 đồng, tiền gốc là 2.932.943 đồng. Vậy số tiền mà bà G còn phải thanh toán cho Ngân hàng V là:

- Tiền gốc: 21.000.000 đồng - 2.932.943 đồng = 18.067.057 đồng (Mười tám triệu sáu mươi bảy ngàn năm mươi bảy đồng).

- Tiền lãi: 11.327.819 đồng - 3.782.057 đồng = 7.545.762 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Tổng cộng là: 18.067.057 đồng + 7.545.762 đồng = 25.612.819 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà G thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền thiếu tổng cộng là 25.612.819 đồng, trong đó tiền gốc còn thiếu là 18.067.057 đồng (Mười tám triệu sáu mươi bảy ngàn năm mươi bảy đồng) và tiền lãi còn thiếu là 7.545.762 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn bà G phải chịu án phí sơ thẩm là: 25.612.819 đồng x 5% = 1.280.641 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Bà G phải trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vay và tiền lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 tổng cộng là 25.612.819 đồng, trong đó tiền gốc còn thiếu là 18.067.057 đồng (Mười tám triệu sáu mươi bảy ngàn năm mươi bảy đồng) và tiền lãi còn thiếu là 7.545.762 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Bà G tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo mức lãi suất thỏa thuận được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20150124-700006-0001 ngày 15/01/2015 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu bà G trả tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm hợp đồng đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 1.280.641 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) bà G phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 643.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002168 ngày 02/6/2017.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân